

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN NGÀY 30/06/2018**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 37

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch	
Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Việt Giang	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 09/04/2018
Ông Vladislavs Savkins	Thành viên	
Ông David Đỗ	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 20/04/2018
Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 09/04/2018
Ông Trịnh Minh Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 09/04/2018

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên	
Bà Vũ Thị Việt Hà	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 20/04/2018
Bà Đinh Thị Huyền Trang	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 11/04/2018

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hải Đoàn	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 15/01/2018
Ông Nguyễn Trần Hiền	Kế toán trưởng	

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, ngoài các sự kiện được nêu tại thuyết minh số 36 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Võ Văn Mai**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018



Số: 478/2018/UHY-BCSX

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/08/2018, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH KPMG soát xét. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận ngoại trừ liên quan đến việc Công ty ghi nhận số vốn góp nhận trước từ các cá nhân là doanh thu chuyển nhượng bất động sản và ghi nhận giá trị còn lại của khu nhà tương ứng với phần chuyển nhượng vào giá vốn khi chưa đủ cơ sở, thay vì ghi nhận số vốn góp của các cá nhân là khoản doanh thu cho thuê nhận trước và trích khấu hao tài sản cố định cho thuê.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Vấn đề khác (tiếp)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc Công ty ghi nhận số vốn góp nhận trước từ các cá nhân là doanh thu chuyển nhượng bất động sản và ghi nhận giá trị còn lại của khu nhà tương ứng với phần chuyển nhượng vào giá vốn khi chưa đủ cơ sở, thay vì ghi nhận số vốn góp của các cá nhân là khoản doanh thu cho thuê nhận trước và trích khấu hao tài sản cố định cho thuê.



**Nguyễn Tự Trung**

**Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30/06/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>579.367.601.829</b>	<b>586.822.987.966</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	108.078.284.990	115.385.536.635
Tiền	111		36.131.636.951	50.485.536.635
Các khoản tương đương tiền	112		71.946.648.039	64.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		208.660.000	616.269.872
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	14	208.660.000	616.269.872
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		300.301.268.759	336.484.102.325
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	188.818.398.422	163.659.811.690
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	16.460.876.625	18.802.087.994
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng dịch vụ	134	6	50.464.822.318	121.704.251.435
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	45.728.470.412	33.489.250.224
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1.171.299.018)	(1.171.299.018)
Hàng tồn kho	140	9	96.564.362.018	61.062.814.983
Hàng tồn kho	141		97.030.752.149	61.529.205.114
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(466.390.131)	(466.390.131)
Tài sản ngắn hạn khác	150		74.215.026.062	73.274.264.151
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.157.161.191	193.692.817
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.057.864.871	1.080.571.334
Tài sản ngắn hạn khác	155	10	72.000.000.000	72.000.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>48.757.295.596</b>	<b>271.477.089.439</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		336.052.493	401.837.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	336.052.493	401.837.000
Tài sản cố định	220		13.177.825.348	14.029.384.987
Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.295.820.569	11.975.333.279
- Nguyên giá	222		44.067.451.254	44.032.749.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.771.630.685)	(32.057.416.157)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.882.004.779	2.054.051.708
- Nguyên giá	228		7.500.392.093	7.500.392.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.618.387.314)	(5.446.340.385)
Bất động sản đầu tư	230	13	15.680.620.000	237.505.038.111
- Nguyên giá	231		15.680.620.000	237.505.038.111
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		344.327.273	344.327.273
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		344.327.273	344.327.273
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	17.229.339.070	18.547.338.408
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.820.909.951	15.481.757.993
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		7.264.044.944	7.264.044.944
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		(4.855.615.825)	(4.198.464.529)
Tài sản dài hạn khác	260		1.989.131.412	649.163.660
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.989.131.412	649.163.660
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>628.124.897.425</b>	<b>858.300.077.405</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>297.709.546.270</b>	<b>526.707.267.642</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>294.226.486.286</b>	<b>522.610.577.368</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	69.877.089.428	83.866.346.925
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		42.711.337.364	43.737.715.977
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	551.228.899	5.578.106.284
Phải trả người lao động	314		1.572.977.174	6.411.249.900
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.204.236.842	469.051.818
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		262.858.000	262.858.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	81.873.248.382	256.073.345.039
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	93.173.510.197	126.211.903.425
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.483.059.984</b>	<b>4.096.690.274</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17	1.099.153.165	900.332.622
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	306.434.969	149.455.892
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	2.077.471.850	3.046.901.760
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>330.415.351.155</b>	<b>331.592.809.763</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>330.415.351.155</b>	<b>331.592.809.763</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		134.947.483.468	136.237.470.000
Cổ phiếu quỹ	415		(58.025.509.272)	(60.144.990.832)
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.628.990.984	19.628.990.984
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.549.936.079	10.556.889.715
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.556.889.715	8.707.213.609
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.006.953.636)	1.849.676.106
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(275.850.104)	(275.850.104)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>628.124.897.425</b>	<b>858.300.077.405</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Võ Văn Mai



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	378.705.238.830	181.728.635.561
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	26.446.800	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	378.678.792.030	181.728.635.561
Giá vốn hàng bán	11	24	351.174.181.760	151.456.845.581
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.504.610.270	30.271.789.980
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	947.444.935	2.466.010.145
Chi phí tài chính	22	26	2.631.946.508	109.762.543
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.831.970.068	99.401.672
Lãi/(Lỗ) trong công ty liên doanh liên kết	24		601.753.598	(979.561.738)
Chi phí bán hàng	25	27	16.381.730.318	15.920.103.514
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	11.668.901.061	15.669.451.005
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.628.769.084)	58.921.325
Thu nhập khác	31	29	705.035.717	826.912.035
Chi phí khác	32	30	326.276.335	7.530.393
Lợi nhuận khác	40		378.759.382	819.381.642
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.250.009.702)	878.302.967
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	599.964.857	484.763.299
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	156.979.077	593.720.848
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.006.953.636)	(200.181.180)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		(2.006.953.636)	(200.181.180)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(103)	(10)

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Võ Văn Mai



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(1.250.009.702)</b>	<b>878.302.967</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	02		886.261.457	1.275.730.297
Các khoản dự phòng	03		657.151.296	(885.211.200)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(509.801.466)	(1.141.384.847)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(974.568.247)	101.935.886
Chi phí lãi vay	06		1.831.970.068	99.401.672
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>641.003.406</b>	<b>328.774.775</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		47.572.759.016	(36.324.350.770)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(36.470.976.944)	(43.431.615.337)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)	11		(16.038.736.731)	26.331.551.993
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.339.967.752)	68.942.636
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.831.970.068)	(99.401.672)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.537.726.879)	(1.637.140.098)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		389.708.820	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(375.454.823)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(8.991.361.955)</b>	<b>(54.763.238.473)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(34.701.818)	(326.700.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		31.882.718.740	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		407.609.872	1.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		1.635.416.289	2.299.960.159
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>33.891.043.083</b>	<b>2.973.260.159</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		829.495.028	-
Tiền thu từ đi vay	33		106.697.766.530	32.340.632.127
Tiền trả nợ gốc vay	34		(139.736.159.758)	(10.640.351.738)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(32.208.898.200)</b>	<b>21.700.280.389</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(7.309.217.072)</b>	<b>(30.089.697.925)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>115.385.536.635</b>	<b>128.229.446.949</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.965.427	10.490.671
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>108.078.284.990</b>	<b>98.150.239.695</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Người lập

Nguyễn Hải Yên

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Võ Văn Mai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT, tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100364579 đăng ký lần đầu ngày 29/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 07/06/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 225.590.300.000 đồng chia thành 22.559.030 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCoM với mã chứng khoán HIG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2018 là 179 người (tại ngày 31/12/2017 là 203 người).

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

**1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

**1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
<b>Công ty con</b>			
<b>Cấp 1</b>			
- Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư HIPT (HIPT Invest)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software) (1)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty CP Phát triển Nguồn nhân lực Chân trời mới Hà Nội (2)	Hà Nội, Việt Nam	66,5%	66,5%
- Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (HISN)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT (HiPT School) (3)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
<b>Cấp 2</b>			
- Công ty CP Năng lượng Công nghệ cao (Hi-Power Tech) (4)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%

(1) Đổi tên từ Công ty Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (HIBF)

(2) Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST

(3) Đã có hợp đồng chuyển nhượng 100% cổ phần (Thuyết minh số 36)

(4) Công ty con của HIPT Invest



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
<b>Công ty liên kết</b>			
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	25%	71,43%
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	35%	93,44%
- Công ty CP Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	22%	22,32%
- Công ty TNHH Giải pháp HIMC (5)	Hà Nội, Việt Nam	32%	32%
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	Hà Nội, Việt Nam	20,68%	20,68%
<b>Công ty liên doanh</b>			
- Thời báo Doanh nhân	Hà Nội, Việt Nam	50%	64,27%

*(5) Đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế*

**1.5. KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được soát xét. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

**2.2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1. THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ năm trước và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**3.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm lập Báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.5. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung phân bổ.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm các công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 tháng đến 36 tháng.

**3.7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	05
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

**3.8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

***Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá***

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**3.10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

***Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh***

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của Công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh;
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác).

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư khác được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

**Chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**3.12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**3.13. DOANH THU, THU NHẬP KHÁC**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp các giao dịch về cung cấp dịch vụ lên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13. DOANH THU, THU NHẬP KHÁC (TIẾP)**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp)***

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

***Doanh thu cho thuê***

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập đầu tư***

Thu nhập từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán.

**3.14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16. NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ra "đồng Việt Nam". Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.

**3.17. THUẾ**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3.18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3.19. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ hợp nhất lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin tại một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

**3.20. CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm các công ty liên doanh, liên kết, Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

CÔNG TY



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	977.316.580	354.031.702
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.154.320.371	50.131.504.933
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	71.946.648.039	64.900.000.000
	<b>108.078.284.990</b>	<b>115.385.536.635</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
FLEXTRON PTE.LTD	5.702.647.945	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ SAVIS Việt Nam	4.877.400.000	4.877.400.000
Công ty Cổ phần Tin học Hoàng Minh	1.193.356.200	1.193.356.200
Đối tượng khác	4.687.472.480	12.731.331.794
	<b>16.460.876.625</b>	<b>18.802.087.994</b>

**6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Cục công nghệ thông tin	3.604.322.877	1.598.312.877
Hyundai information technology Co.,Ltd	7.393.312.500	6.547.583.617
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng	39.467.186.941	39.467.186.941
Công Ty Cổ phần Điện ảnh Truyền Hình (Vinematim)	-	74.091.168.000
	<b>50.464.822.318</b>	<b>121.704.251.435</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>188.818.398.422</b>	<b>(1.171.299.018)</b>	<b>163.659.811.690</b>	<b>(1.171.299.018)</b>
- Công ty Cổ phần Điện ảnh Truyền Hình (Vinematim)	66.435.734.232	-	4.499.092.620	-
- Công ty CP Viễn Thông - Tin học Bưu Điện (CT-IN)	41.618.633.381	-	6.959.626.600	-
- Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam	16.149.576.300	-	32.430.837.340	-
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC	11.324.802.806	-	13.324.802.806	-
- Các khách hàng khác	53.289.651.703	(1.171.299.018)	106.445.452.324	(1.171.299.018)
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	-	-	-	-
<b>Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>740.774.085</b>	<b>(740.774.085)</b>	<b>821.639.085</b>	<b>(740.774.085)</b>
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội	663.440.565	(663.440.565)	663.440.565	(663.440.565)
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	77.333.520	(77.333.520)	77.333.520	(77.333.520)
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	-	-	80.865.000	-
	<b>188.818.398.422</b>	<b>(1.171.299.018)</b>	<b>163.659.811.690</b>	<b>(1.171.299.018)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ,  
Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày  
30/06/2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>45.728.470.412</b>	-	<b>33.489.250.224</b>	-
- Tạm ứng	30.475.474.591	-	25.445.690.599	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ	286.983.330	-	83.028.000	-
- Phải thu các cá nhân tiền thuê đất, tiền chuyển nhượng BĐS	14.180.766.825	-	3.438.015.298	-
- Phải thu khác	785.245.666	-	4.522.516.327	-
<b>Dài hạn</b>	<b>336.052.493</b>	-	<b>401.837.000</b>	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ	336.052.493	-	401.837.000	-
<b>Cộng</b>	<b>46.064.522.905</b>	-	<b>33.891.087.224</b>	-

**Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan**

- Tạm ứng cho các cá nhân trong HĐQT, BGD và Kế toán trưởng

7.487.101.038  
7.487.101.038

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	1.379.026.620	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.265.570.272	-	44.948.500.670	-
Hàng hóa	58.691.838.073	(466.390.131)	15.128.334.020	(466.390.131)
Hàng gửi bán	73.343.804	-	73.343.804	-
	<b>97.030.752.149</b>	<b>(466.390.131)</b>	<b>61.529.205.114</b>	<b>(466.390.131)</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Ngân hàng Bảo Việt").

Tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND/một cổ phiếu. Theo đó, ngày 17/01/2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11/12/2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tuy nhiên, đến ngày 30/06/2018, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty vẫn hạch toán giá gốc 72 tỷ VND của khoản đầu tư vào Tài sản ngắn hạn khác và ghi nhận số tiền 72 tỷ đồng nhận được từ bên thứ ba vào Phải trả ngắn hạn khác (được trình bày tại Thuyết minh số 17).

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2018	18.748.120.749	4.281.532.813	1.068.413.025	19.934.682.849	44.032.749.436
- Mua trong kỳ	-	-	-	34.701.818	34.701.818
30/06/2018	<b>18.748.120.749</b>	<b>4.281.532.813</b>	<b>1.068.413.025</b>	<b>19.969.384.667</b>	<b>44.067.451.254</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2018	7.873.526.574	4.269.489.805	502.176.434	19.412.223.344	32.057.416.157
- Khấu hao trong kỳ	415.056.672	12.043.008	53.016.930	234.097.918	714.214.528
30/06/2018	<b>8.288.583.246</b>	<b>4.281.532.813</b>	<b>555.193.364</b>	<b>19.646.321.262</b>	<b>32.771.630.685</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2018	<b>10.874.594.175</b>	<b>12.043.008</b>	<b>566.236.591</b>	<b>522.459.505</b>	<b>11.975.333.279</b>
30/06/2018	<b>10.459.537.503</b>	<b>-</b>	<b>513.219.661</b>	<b>323.063.405</b>	<b>11.295.820.569</b>

Tại ngày 30/06/2018, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 21.581.335.582 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Thương hiệu <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2018	3.926.442.619	588.000.000	2.985.949.474	7.500.392.093
30/06/2018	<u>3.926.442.619</u>	<u>588.000.000</u>	<u>2.985.949.474</u>	<u>7.500.392.093</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
01/01/2018	2.041.750.166	544.982.408	2.859.607.811	5.446.340.385
- Khấu hao trong kỳ	78.528.852	-	93.518.077	172.046.929
30/06/2018	<u>2.120.279.018</u>	<u>544.982.408</u>	<u>2.953.125.888</u>	<u>5.618.387.314</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2018	<u>1.884.692.453</u>	<u>43.017.592</u>	<u>126.341.663</u>	<u>2.054.051.708</u>
30/06/2018	<u>1.806.163.601</u>	<u>43.017.592</u>	<u>32.823.586</u>	<u>1.882.004.779</u>

Tại ngày 30/06/2018:

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.806.163.601 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 384.550.000 đồng

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Số đầu năm <u>VND</u>	Tăng trong kỳ <u>VND</u>	Giảm trong kỳ <u>VND</u>	Số cuối kỳ <u>VND</u>
<b>Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	237.505.038.111	4.964.059.800	(226.788.477.911)	15.680.620.000
- Quyền sử dụng đất	237.505.038.111	4.964.059.800	(226.788.477.911)	15.680.620.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	237.505.038.111	4.964.059.800	(226.788.477.911)	15.680.620.000
- Quyền sử dụng đất	237.505.038.111	4.964.059.800	(226.788.477.911)	15.680.620.000

Tại ngày 30/06/2018, giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 15.680.620.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****14.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	208.660.000	208.660.000	616.269.872	616.269.872

**14.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
- Công ty CP Công nghệ Thông tin Lam Hồng	800.000.000	1.059.924.526	800.000.000	951.012.377
- Công ty TNHH Giải pháp HLMC	-	-	3.200.000.000	-
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	12.000.000.000	13.030.313.627	12.000.000.000	13.734.156.981
- Thời báo Doanh nhân	2.000.000.000	730.671.798	2.000.000.000	796.588.635
	<b>19.800.000.000</b>	<b>14.820.909.951</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>15.481.757.993</b>

**Đơn vị khác**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty CP Dịch vụ nền di động Việt Nam	6.764.044.944	(4.855.615.825)	6.764.044.944	(4.198.464.529)
- Công ty CP Thông tin Hapro	500.000.000	-	500.000.000	-
	<b>7.264.044.944</b>	<b>(4.855.615.825)</b>	<b>7.264.044.944</b>	<b>(4.198.464.529)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Star Excellence	18.603.509.980	18.603.509.980	-	-
- ABT Group Limited	30.454.371.750	30.454.371.750	909.400.000	909.400.000
- Công ty TNHH Acer Việt Nam	6.724.172.840	6.724.172.840	125.400.000	125.400.000
- Vizrt (Thailand), Ltd	-	-	27.486.615.000	27.486.615.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ SAVIS Việt Nam	1.904.410.305	1.904.410.305	10.186.993.080	10.186.993.080
- Đối tượng khác	12.190.624.553	12.190.624.553	45.157.938.845	45.157.938.845
	<b>69.877.089.428</b>	<b>69.877.089.428</b>	<b>83.866.346.925</b>	<b>83.866.346.925</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2018 VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>5.578.106.284</b>	<b>10.431.908.245</b>	<b>15.458.785.630</b>	<b>551.228.899</b>
- Thuế giá trị gia tăng	4.196.872.087	7.084.018.691	11.280.890.778	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	1.120.868	114.067.737	114.088.375	1.100.230
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.212.704.480	599.964.857	1.537.726.879	274.942.458
- Thuế thu nhập cá nhân	161.648.960	2.155.489.264	2.143.524.392	173.613.832
- Các loại thuế khác	5.759.889	478.367.696	382.555.206	101.572.379

	01/01/2018 VND	Số phải thu/được khấu trừ trong kỳ VND	Số đã thực thu/ khấu trừ trong kỳ VND	30/06/2018 VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>	<b>1.080.571.334</b>	<b>40.252.981</b>	<b>62.959.444</b>	<b>1.057.864.871</b>
- Thuế giá trị gia tăng	22.706.463	-	22.706.463	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	584.881.409	-	-	584.881.409
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	472.983.462	40.252.981	40.252.981	472.983.462



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>81.873.248.382</b>	<b>256.073.345.039</b>
- Tạm ứng từ các cá nhân	-	178.591.421.044
- Tạm ứng liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt	72.000.000.000	72.000.000.000
- Khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ Đề án 112	2.656.280.900	2.656.280.900
- Phải trả cổ tức	275.140.575	275.140.575
- Mượn tiền cá nhân	4.100.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.841.826.907	2.550.502.520
<b>Dài hạn</b>	<b>1.099.153.165</b>	<b>900.332.622</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	482.416.820	338.492.000
- Các cá nhân ủy thác đầu tư	616.736.345	561.840.622
	<b>82.972.401.547</b>	<b>256.973.677.661</b>

**18. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Thuế suất</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả</b>	<b>306.434.969</b>	<b>149.455.892</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tỷ giá	306.434.969	149.455.892

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	2.077.471.850	3.046.901.760
	<b>2.077.471.850</b>	<b>3.046.901.760</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	30/06/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>93.173.510.197</b>	<b>93.173.510.197</b>	<b>106.697.766.530</b>	<b>139.736.159.758</b>	<b>126.211.903.425</b>	<b>126.211.903.425</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	66.274.417.313	66.274.417.313	106.697.766.530	126.590.052.642	86.166.703.425	86.166.703.425
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (2)	26.853.892.884	26.853.892.884	-	13.146.107.116	40.000.000.000	40.000.000.000
Vay đối tượng khác	45.200.000	45.200.000	-	-	45.200.000	45.200.000
<b>Cộng</b>	<b>93.173.510.197</b>	<b>93.173.510.197</b>	<b>106.697.766.530</b>	<b>139.736.159.758</b>	<b>126.211.903.425</b>	<b>126.211.903.425</b>

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/495 ngày 30/06/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT với mục đích: bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở thư tín dụng (L/C) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hạn mức vay tối đa của vốn lưu động là 150 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh tối đa là 150 tỷ đồng. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ (trong kỳ là 8,3%). Biện pháp bảo đảm: thế chấp tài sản trên đất trụ sở Công ty tại 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội.

(2) Khoản vay theo hợp đồng số 528/2017/HDTD/HGM/01 ký ngày 13/12/2017 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty CP Tập đoàn HIPT với mục đích: bổ sung vốn lưu động để nộp tiền sử dụng đất tại địa chỉ số 152 Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội theo thông báo nộp tiền sử dụng đất số 5145/CCCT-TB-TB&TK ngày 07/06/2017. Thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 16/12/2017 đến 15/12/2018). Lãi suất cho vay: 9,1%/năm áp dụng từ 15/12/2017 đến hết 15/03/2018. Lãi suất cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần và bằng lãi suất cơ sở KHDN kỳ hạn 03 tháng của TPbank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 1,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguồn thu từ các Hợp đồng mua bán nhà.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***21. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2017	225.590.300.000	136.237.470.000	(60.144.990.832)	19.628.990.984	8.707.213.609	(275.850.104)	330.018.983.761	-	1.849.676.106	-	1.849.676.106		
- Lãi trong năm													
31/12/2017	<u>225.590.300.000</u>	<u>136.237.470.000</u>	<u>(60.144.990.832)</u>	<u>19.628.990.984</u>	<u>10.556.889.715</u>	<u>(275.850.104)</u>	<u>331.592.809.763</u>						
01/01/2018	225.590.300.000	136.237.470.000	(60.144.990.832)	19.628.990.984	10.556.889.715	(275.850.104)	331.592.809.763						
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	(2.006.953.636)	-	(2.006.953.636)						
- Bán cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(1.289.986.532)	2.119.481.560	-	-	-	829.495.028						
30/06/2018	<u>225.590.300.000</u>	<u>134.947.483.468</u>	<u>(58.025.509.272)</u>	<u>19.628.990.984</u>	<u>8.549.936.079</u>	<u>(275.850.104)</u>	<u>330.415.351.155</u>						

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	225.590.300.000	225.590.300.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**21.3 Cổ phiếu**

	30/06/2018 CP	01/01/2018 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.559.030	22.559.030
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.903.843	3.032.457
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.903.843	3.032.457
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.655.187	19.526.573
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.655.187	19.526.573
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	30/06/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại		
- Ngoại tệ USD	848,58	1.575,89
- Ngoại tệ EUR	655,03	660,67

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>378.705.238.830</b>	<b>181.728.635.561</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	95.399.970.882	139.387.472.123
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.533.152.140	40.602.959.405
- Doanh thu cho thuê	1.711.556.008	1.738.204.033
- Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư	224.060.559.800	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(26.446.800)</b>	<b>-</b>
- Giảm giá hàng bán	(26.446.800)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>378.678.792.030</b>	<b>181.728.635.561</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Giá vốn hàng hóa	82.774.528.380	123.304.326.372
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	44.339.093.580	28.149.259.392
- Giá vốn cho thuê	-	3.259.817
- Giá vốn bất động sản đầu tư	224.060.559.800	-
	<b>351.174.181.760</b>	<b>151.456.845.581</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	372.814.649	877.625.852
- Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	64.828.820	446.999.446
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	509.801.466	1.141.384.847
	<b>947.444.935</b>	<b>2.466.010.145</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Lãi tiền vay	1.831.970.068	99.401.672
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	657.151.296	
- Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	141.720.192	10.348.469
- Chi phí tài chính khác	1.104.952	12.402
	<b>2.631.946.508</b>	<b>109.762.543</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Chi phí nhân viên bán hàng	10.496.569.030	12.144.252.467
- Chi phí dự phòng bảo hành	-	(375.569.260)
- Chi phí khác	5.885.161.288	4.151.420.307
	<b>16.381.730.318</b>	<b>15.920.103.514</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	7.098.087.739	9.471.806.507
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	9.294.896
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	824.144.114	1.209.422.959
- Chi phí khác	3.746.669.208	4.978.926.643
	<b>11.668.901.061</b>	<b>15.669.451.005</b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Được thưởng, được bồi thường	689.106.081	820.487.205
- Thu nhập khác	15.929.636	6.424.830
	<b>705.035.717</b>	<b>826.912.035</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Các khoản phạt thuế	294.214.160	7.521.549
- Chi phí khác	32.062.175	8.844
	<b>326.276.335</b>	<b>7.530.393</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH VÀ CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN LẠI**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.250.009.702)	878.302.967
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(250.001.940)	175.660.593
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	157.509.204	57.370.466
Chi phí không được khấu trừ thuế	458.318.745	278.102.055
Thu nhập không bị tính thuế	(252.520.328)	-
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế	(3.693.268)	(22.171.221)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế	322.309.122	589.522.254
Nộp thuế TNDN truy thu năm 2016 sau thanh tra	2.612.727	-
Nộp thuế TNDN truy thu năm 2017 sau thanh tra	322.409.672	-
	<b>756.943.934</b>	<b>1.078.484.147</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nhân công	22.664.467.769	15.636.115.644
Chi phí mua hàng hóa để bán lại và cung cấp dịch vụ	122.235.437.771	154.589.028.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	824.144.114	1.263.063.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.301.669.998	3.739.250.515
Chi phí khác	11.025.394.342	4.386.999.193
	<b>192.051.113.994</b>	<b>179.614.457.461</b>

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(2.006.953.636)	(200.181.180)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm (CP)	(2.006.953.636)	(200.181.180)
	19.564.035	19.526.573
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(103)</b>	<b>(10)</b>

(ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 CP	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu quỹ đầu kỳ	3.032.457	3.032.457
Cổ phiếu quỹ tái phát hành trong kỳ	128.614	-
- Ngày 08/05/2018	38.400	-
- Ngày 09/05/2018	40.000	-
- Ngày 10/05/2018	26.152	-
- Ngày 11/05/2018	24.062	-
Cổ phiếu quỹ tăng thêm	-	-
<b>Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ</b>	<b>19.564.035</b>	<b>19.526.573</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.18.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

*Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Rủi ro về giá*

Công ty có rủi ro về giá cả khi thực hiện mua hàng hóa, dịch vụ. Công ty quản lý rủi ro về giá thông qua việc theo dõi các thông tin thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**35. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	1.262.601.641	1.422.334.307
	<b>1.262.601.641</b>	<b>1.422.334.307</b>
	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Thu nhập của HĐQT, BGD, KTT, BKS</b>		
- Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2.263.045.454	1.902.000.000
- Thu nhập của Kế toán trưởng	260.000.000	222.300.000
- Thu nhập của Ban kiểm soát	190.368.182	198.800.000
	<b>2.713.413.636</b>	<b>2.323.100.000</b>

**Số dư với các bên liên quan**

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 7 "Phải thu khách hàng"
- Thuyết minh số 8 "Phải thu khác"
- Thuyết minh số 14 "Các khoản đầu tư tài chính"
- Thuyết minh số 15 "Phải trả người bán ngắn hạn"
- Thuyết minh số 17 "Phải trả khác"

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 01/07/2018, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 07-18/HĐQT/HIPT phê duyệt việc chuyển nhượng Trường Trung cấp nghề kỹ nghệ thực hành HIPT cho Công ty Cổ phần Đào tạo Tây Đô. Ngày 09/07/2018, hợp đồng chuyển nhượng về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tương đương 100% tổng số vốn của Trường đã được ký giữa Công ty Cổ phần Đào tạo Tây Đô và Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT.

Ngày 16/07/2018, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định số 09-18/QĐ/HĐQT/HIPT về việc chốt danh sách người sở hữu chứng khoán để trả cổ tức năm 2017 như sau: ngày đăng ký cuối cùng là ngày 10/08/2018, thời gian thực hiện ngày 14/10/2018 với tỷ lệ thực hiện 5%/cổ phần (500 đồng/cổ phần).

**37. THÔNG TIN KHÁC**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét.

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Võ Văn Mai